

THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CÁC-BON: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUNG CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT NAM

● VÕ HỒNG TÚ¹ - NGUYỄN THÙY TRANG^{1*}

¹Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

*Email: nttrang@ctu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508032>

TÓM TẮT:

Nghiên cứu tổng hợp kinh nghiệm quốc tế trong quản lý thị trường tín chỉ cac-bon, nhấn mạnh các mô hình từ Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Kết hợp phân tích chính sách hiện hành và thực trạng thị trường tín chỉ cac-bon tại Việt Nam, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển thị trường tín chỉ cac-bon. Các giải pháp bao gồm hoàn thiện khung pháp lý, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và nâng cao nhận thức cộng đồng. Đề xuất cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư vào công nghệ tiên tiến và hợp tác quốc tế. Việc triển khai những đề xuất này sẽ không chỉ giúp Việt Nam thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và bảo vệ môi trường.

Từ khóa: bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, kiểm kê khí nhà kính, thị trường tín chỉ cac-bon, khung chính sách, kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu là thách thức toàn cầu, yêu cầu các quốc gia thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính (Kossoy et al., 2015). Thị trường tín chỉ cac-bon được xem là giải pháp tài chính hiệu quả, cho phép giao dịch quyền phát thải nhằm tạo động lực kinh tế trong việc giảm khí thải. Các nỗ lực quốc tế là yêu cầu then chốt để hạn chế nhiệt độ toàn cầu tăng dưới 2°C và tránh các tác động nghiêm trọng nhất (Kossoy et al., 2015).

Cam kết duy trì mức tăng nhiệt dưới 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp theo Thỏa thuận Paris đòi hỏi giảm phát thải từ 40-70% so với năm 2010 vào năm 2050 (IPCC, 2014; UNEP, 2014; World Bank and Group, 2016). Tuy nhiên, việc hiện thực hóa mục tiêu này cần những chính sách quy mô lớn hơn

so với các cam kết quốc gia tự quyết định (NDC) trong Thỏa thuận Paris (Kossoy et al., 2015; UNFCCC, 2015; Riehl et al., 2016).

Sự phát triển hệ thống thị trường phát thải (ETS) được xem như một giải pháp đạt mục tiêu giảm khí thải trong Nghị định thư Kyoto (UN, 1998). Tỷ lệ phát thải được định giá bằng các cơ chế tài chính đang gia tăng, với 24% tổng lượng phát thải toàn cầu được định giá vào cuối năm 2023 (Ngân hàng Thế giới, 2024). Theo Ngân hàng Thế giới (2024), giá trị thị trường cac-bon đạt 104 tỷ USD, trong đó, ETS chiếm 60% và thuế cac-bon chiếm 30%. Các cơ chế quốc tế như ETS giành được sự quan tâm như công cụ hữu hiệu trong chính sách khí hậu (Johannsdottir & McInerney, 2016).

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã áp dụng thành

công thị trường tín chỉ các-bon như EU, Trung Quốc và Hoa Kỳ, góp phần giảm phát thải và cung cấp bài học về minh bạch và quản lý rủi ro. Điều này góp phần hoàn thiện khung chính sách cho các quốc gia đang phát triển, bao gồm Việt Nam. Việt Nam đang đẩy mạnh cam kết giảm khí thải theo Hiệp định Paris. Tuy nhiên, việc xây dựng một khung chính sách hoàn chỉnh cho thị trường tín chỉ các-bon vẫn là thách thức. Tín chỉ các-bon được giao dịch trên thị trường các-bon, cho phép doanh nghiệp mua bán quyền phát thải dựa trên mức giới hạn. Các doanh nghiệp giảm được phát thải dưới mức quy định có thể bán tín chỉ, trong khi các doanh nghiệp vượt mức phải mua bù đắp.

Bài báo này phân tích kinh nghiệm quốc tế về thị trường tín chỉ các-bon, đánh giá chính sách Việt Nam và đề xuất hướng phát triển thị trường này. Mục tiêu giúp Việt Nam thực hiện cam kết quốc tế và tận dụng cơ hội kinh tế từ các giao dịch tín chỉ các-bon, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững (UNFCCC, 2015).

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo này áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tập trung chủ yếu vào phân tích tài liệu và nghiên cứu các kinh nghiệm quốc tế về thị trường tín chỉ các-bon. Phương pháp này bao gồm các bước chính như sau:

2.1. Tổng quan tài liệu

Quá trình tổng quan tài liệu được thực hiện nhằm thu thập, phân tích và tổng hợp các thông tin, dữ liệu có sẵn liên quan đến thị trường tín chỉ các-bon trên thế giới và tại Việt Nam. Các tài liệu nghiên cứu bao gồm: Tổng quan tài liệu được thực hiện nhằm thu thập và tổng hợp thông tin từ báo cáo quốc tế, nghiên cứu học thuật và chính sách pháp luật. Các tài liệu này cung cấp cái nhìn toàn diện về xu hướng phát triển và khung chính sách của thị trường tín chỉ các-bon.

2.2. Phân tích kinh nghiệm quốc tế

Phân tích kinh nghiệm quốc tế tập trung vào mô hình thị trường của EU, Trung Quốc và Hoa Kỳ. Các yếu tố chính được xem xét bao gồm cơ chế vận hành, chiến lược quản lý rủi ro và đảm bảo tính minh bạch. Phương pháp này giúp rút ra bài học quan trọng, hỗ trợ Việt Nam trong việc xây dựng và phát triển thị trường tín chỉ các-bon hiệu quả.

3. Kết quả thảo luận

3.1. Một số bài học kinh nghiệm của quốc tế trong xây dựng và phát triển thị trường tín chỉ các-bon

Việc nghiên cứu các kinh nghiệm quốc tế về thị trường tín chỉ các-bon cung cấp những bài học quý giá cho các quốc gia mới bắt đầu triển khai cơ chế này. Các yếu tố quan trọng cần tập trung bao gồm cơ chế vận hành thị trường, chiến lược quản lý rủi ro và đảm bảo tính minh bạch cùng trách nhiệm giải trình.

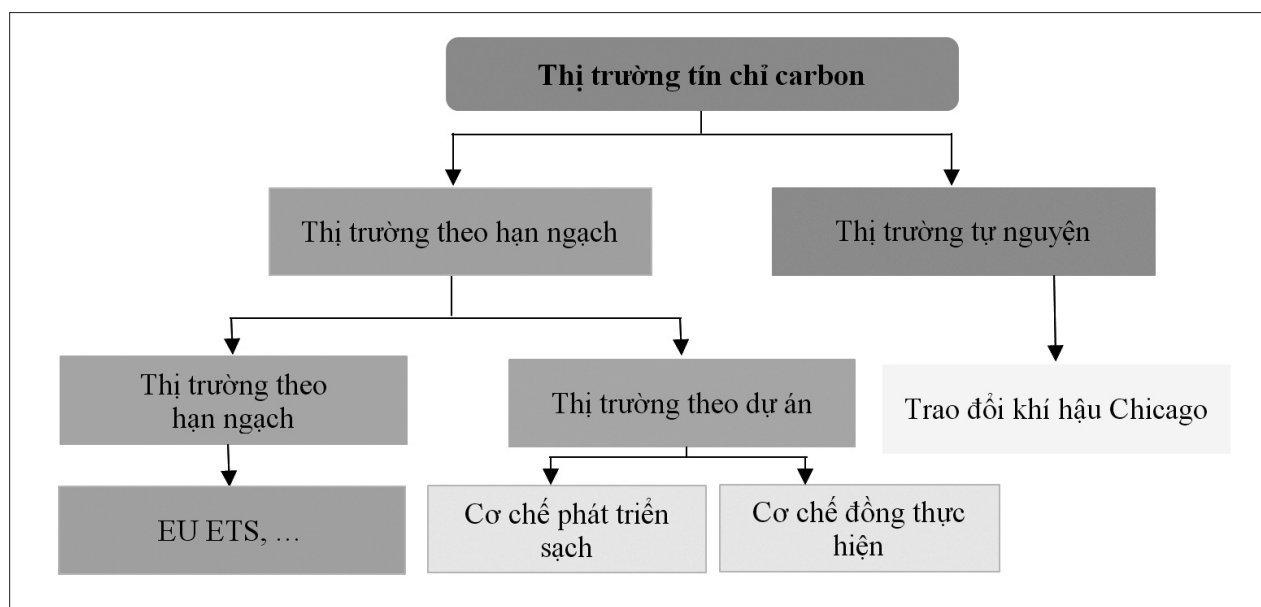
3.1.1. Cơ chế vận hành thị trường

Liên minh châu Âu (EU ETS - Emission Trading System): EU ETS là hệ thống giao dịch khí thải lớn nhất thế giới, hoạt động theo mô hình "cap-and-trade", trong đó tổng lượng khí thải bị giới hạn và các đơn vị phát thải phải sở hữu tín chỉ tương ứng. Ban đầu, tín chỉ chủ yếu được cấp phát miễn phí, nhưng dần dần EU chuyển sang cơ chế đấu giá để thúc đẩy việc cắt giảm khí thải hiệu quả hơn.

Ở Mỹ: Chương trình Cap-and-Trade ở bang California đặt ra giới hạn tổng lượng phát thải khí nhà kính, trong đó các tín chỉ phát thải được cấp cho các đơn vị tham gia. Một phần tín chỉ được cấp miễn phí, phần còn lại được bán đấu giá, cho phép doanh nghiệp mua thêm nếu cần. Giới hạn phát thải giảm dần qua các năm, khuyến khích đầu tư vào công nghệ sạch. Bên cạnh đó, Hệ thống Khí nhà kính Khu vực (RGGI) là sáng kiến hợp tác của các bang miền Đông Bắc và Trung Đại Tây Dương nhằm giảm phát thải CO₂ từ nhà máy điện. Ngoài ra, các chương trình như California còn cho phép sử dụng tín chỉ offset từ các dự án bên ngoài hệ thống để đáp ứng một phần yêu cầu giảm phát thải. (Hình 1)

Trung Quốc: Trung Quốc triển khai hệ thống giao dịch khí thải quốc gia từ năm 2021, tập trung vào ngành năng lượng và áp dụng mô hình "cap-and-trade" với điều chỉnh phù hợp bối cảnh kinh tế. Với tổng lượng phát thải CO₂ khoảng 4,5 tỷ tấn/năm, đây là thị trường giao ngay các-bon lớn nhất thế giới. Trước đó, Trung Quốc đã thí điểm tại 7 khu vực từ năm 2011, bao gồm Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Trùng Khánh, Hồ Bắc, Quảng Đông và Thâm Quyển, nhằm rút kinh nghiệm và điều chỉnh hệ thống trước khi mở rộng toàn quốc.

Hình 1: Cấu trúc thị trường tín chỉ carbon



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Thị trường các-bon trên thế giới hiện nay tồn tại dưới 3 hình thức:

- Thị trường các-bon quốc tế trong khuôn khổ UNFCCC là cơ chế giúp các quốc gia đạt mục tiêu giảm phát thải qua giao dịch tín chỉ từ dự án trồng rừng, năng lượng tái tạo, đồng thời thúc đẩy chuyển dịch tài chính từ nước phát triển sang nước đang phát triển.

- Thị trường các-bon tự nguyện cho phép tổ chức, cá nhân, chính phủ mua tín chỉ các-bon để bù đắp phát thải, hỗ trợ mục tiêu môi trường từ các dự án giảm phát thải.

- Thị trường các-bon nội địa do quốc gia quản lý nhằm giảm phát thải trong nước, áp dụng cơ chế định giá các-bon. Doanh nghiệp phải mua tín chỉ nếu vượt mức phát thải cho phép, thúc đẩy đầu tư công nghệ sạch và hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững.

Một số cơ chế chính về trao đổi và bù trừ tín chỉ cacbon đang được thực hiện trên thế giới bao gồm:

Theo Nghị định thư Kyoto:

Các cơ chế thị trường trong giảm phát thải bao gồm: Cơ chế đồng thực hiện (JI), cho phép các nước công nghiệp hợp tác để giảm phát thải và chia sẻ kết quả; Cơ chế thị trường khí thải (ET), hay còn gọi là "buôn bán quyền phát thải", cho

phép các nước mua bán quyền phát thải trong giới hạn quy định; và Cơ chế phát triển sạch (CDM), cho phép các nước công nghiệp đầu tư vào các dự án giảm phát thải ở nước đang phát triển để nhận tín chỉ các-bon.

Hợp tác Việt Nam - Nhật Bản:

Cơ chế thí điểm chung (JCM - Joint Crediting Mechanism): Cung cấp khung để hai nước hợp tác giảm phát thải và chia sẻ tín chỉ phát thải, nhằm thúc đẩy công nghệ sạch và giải pháp bảo vệ môi trường.

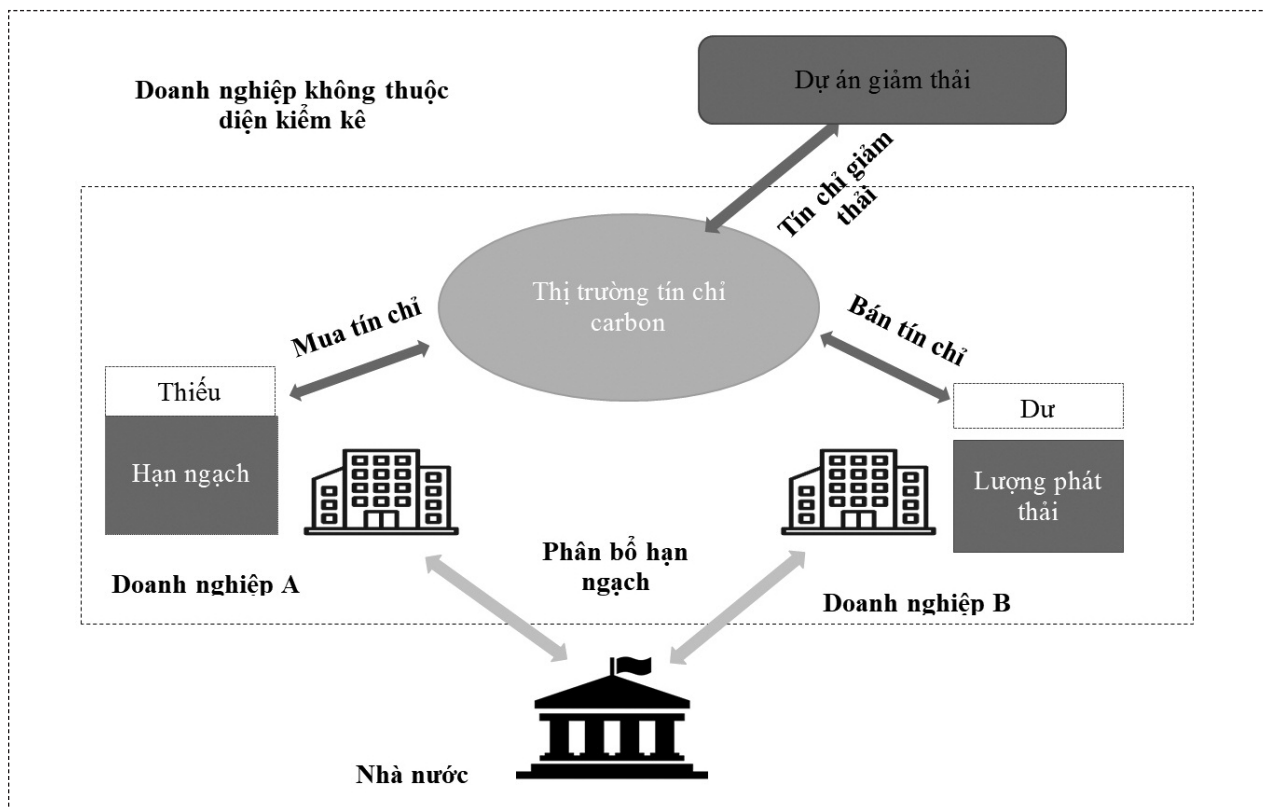
Thỏa thuận Paris:

Cơ chế đóng góp giảm phát thải khí nhà kính và hỗ trợ phát triển bền vững (Điều 6.4): Định ra cách thức các quốc gia có thể hợp tác để đạt được mục tiêu giảm phát thải thông qua việc sử dụng thị trường các-bon quốc tế và cơ chế phát triển bền vững.

Ngoài khung khổ UNFCCC:

Tiêu chuẩn các-bon được thẩm định (VCS - Verified Carbon Standard): Một tiêu chuẩn tự nguyện để thẩm định và xác minh tín chỉ cacbon từ các dự án giảm phát thải. Tiêu chuẩn vàng (GS - Gold Standard): Một tiêu chuẩn được sử dụng để đo lường lợi ích môi trường và xã hội của các dự án giảm phát thải, đặc biệt là trong các cộng đồng nghèo và đang phát triển. (Hình 2)

Hình 2: Cơ chế vận hành thị trường tín chỉ



Nguồn: Tác giả tổng hợp

3.1.2. Chiến lược quản lý rủi ro

+ Hoa Kỳ (California Cap-and-Trade) áp dụng cơ chế giá sàn và giá trần để ngăn chặn biến động giá tín chỉ, giúp doanh nghiệp dự đoán chi phí phát thải. Đồng thời, hệ thống có các quy định giám sát chặt chẽ, yêu cầu báo cáo minh bạch nhằm giảm thiểu gian lận và bảo vệ tính toàn vẹn của thị trường.

+ Liên minh châu Âu (EU ETS) cho phép các doanh nghiệp lưu giữ tín chỉ chưa sử dụng để sử dụng trong tương lai, giúp cân bằng cung cầu và tránh áp lực thị trường. Ngoài ra, EU ETS còn phát triển các thị trường dự phòng và công cụ phái sinh để hỗ trợ doanh nghiệp quản lý rủi ro giá và đảm bảo nguồn tín chỉ ổn định.

3.1.3. Đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình

EU ETS áp dụng hệ thống báo cáo và giám sát chặt chẽ (MRV), yêu cầu kiểm toán độc lập để đảm bảo minh bạch. Thông tin về giao dịch tín chỉ, giá cả và phát thải được công khai nhằm tăng

cường sự tin cậy thị trường. NZ ETS cung cấp dữ liệu chi tiết về cấp phát và sử dụng tín chỉ, đồng thời duy trì đối thoại thường xuyên với các bên liên quan để cải thiện chính sách. Những kinh nghiệm này nhấn mạnh tầm quan trọng của cơ chế vận hành hiệu quả, quản lý rủi ro linh hoạt và hệ thống minh bạch, giúp Việt Nam phát triển thị trường tín chỉ các-bon bền vững.

3.2. Khung chính sách về giảm phát thải và thị trường tín chỉ của Việt Nam

Tại COP26, Thủ tướng Phạm Minh Chính cam kết giảm 30% khí mê-tan vào năm 2030 và đạt phát thải ròng bằng 0 vào 2050. Để hiện thực hóa cam kết, Việt Nam đã cập nhật NDC 2022, nâng mức giảm phát thải không điều kiện từ 9% lên 15,8% và có điều kiện từ 27% lên 43,5% so với BAU. Điều này thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Việt Nam trong cuộc chiến chống BĐKH, đồng thời thúc đẩy các chương trình phát triển nông nghiệp giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Luật Bảo vệ Môi trường 2020:

Luật Bảo vệ Môi trường 2020 tạo nền tảng pháp lý cho hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm kiểm kê, xây dựng kế hoạch giảm phát thải và phát triển thị trường tín chỉ các-bon. Theo Khoản 2, Điều 91, các nội dung chính gồm: thực hiện giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính theo lộ trình phù hợp với cam kết quốc tế; kiểm kê, đo đạc, báo cáo và thẩm định phát thải; kiểm tra việc tuân thủ quy định; xây dựng cơ chế hợp tác giảm phát thải; và tổ chức, phát triển thị trường các-bon trong nước.

Nghị định 06/2022/NĐ-CP:

Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định chi tiết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, bao gồm phân bổ hạn ngạch phát thải, đo đạc, báo cáo, thẩm định và tổ chức thị trường các-bon. Lộ trình thực hiện chia thành hai giai đoạn: đến hết năm 2025 và từ năm 2026-2030. Giai đoạn 2026-2030 sẽ áp dụng các biện pháp giảm phát thải theo kế hoạch, gồm chính sách quản lý, chuyển đổi công nghệ, thực hiện dự án phù hợp với pháp luật và điều ước quốc tế. Thị trường các-bon gồm các cơ sở thuộc danh mục kiểm kê khí nhà kính, tổ chức tham gia trao đổi tín chỉ các-bon và cá nhân, tổ chức liên quan đến đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải. Đến năm 2027, Việt Nam sẽ hoàn thiện quy định, triển khai thí điểm sàn giao dịch tín chỉ các-bon, từ năm 2028 vận hành chính thức, kết nối với thị trường khu vực và thế giới. Việc giao dịch hạn ngạch và tín chỉ các-bon được thực hiện theo quy định, cho phép đấu giá, chuyển giao, vay mượn, bù trừ phát thải, khuyến khích nộp trả hạn ngạch chưa sử dụng. Quy trình đăng ký chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon được Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, đảm bảo tuân thủ các cam kết quốc tế.

Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg:

Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg quy định danh mục lĩnh vực và cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính, bao gồm năng lượng, giao thông, xây dựng, công nghiệp, nông-lâm nghiệp và chất thải. Các cơ sở có phát thải từ 3.000 tấn CO₂tđ/năm hoặc tiêu thụ năng lượng từ 1.000 TOE/năm phải thực hiện kiểm kê. Quyết định số 896/QĐ-TTg đề ra Chiến lược quốc gia về BĐKH đến 2050, với mục tiêu giảm 30% khí mê-tan vào 2030 và 40% vào 2050. Từ năm 2026, áp dụng hạn ngạch phát thải và kiểm kê

cho cơ sở từ 2.000 tấn CO₂tđ, tiến tới kiểm kê toàn diện vào 2050. Giảm phát thải trong nông nghiệp thông qua quản lý, công nghệ, tái sử dụng phế phẩm, canh tác hữu cơ và quản lý cây trồng. Trong lâm nghiệp, chú trọng bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng trồng, quản lý bền vững và phát triển mô hình nông - lâm kết hợp để hấp thụ các-bon và chống suy thoái đất.

Để thực hiện giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp, Quyết định số 01/nêu rõ các hoạt động can thiệp giảm phát thải sau:

- Áp dụng các biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua các biện pháp quản lý, đổi mới công nghệ
- Phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quản lý cây trồng tổng hợp
- Tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi
- Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm phát thải khí mê-tan từ canh tác lúa và chăn nuôi

3.3. Một số gợi ý về chính sách cho Việt Nam trong thực hiện thị trường tín chỉ các-bon

Việc phát triển và vận hành thị trường tín chỉ các-bon ở Việt Nam đòi hỏi các chính sách chi tiết và hiệu quả để thúc đẩy việc giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững. Dưới đây là một số gợi ý về chính sách cho Việt Nam trong việc thực hiện thị trường tín chỉ các-bon:

Hoàn thiện khung pháp lý: Việt Nam cần hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường tín chỉ các-bon, bao gồm quy định về phát sinh, giao dịch và sử dụng. Các bộ, ngành, phải xây dựng kế hoạch giảm phát thải theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và cam kết quốc gia. Đồng thời, đề xuất danh mục dự án đủ điều kiện tham gia thị trường quốc tế và trình Thủ tướng phê duyệt. Cần nghiên cứu, thiết lập hệ thống quản lý tín chỉ các-bon quốc gia để kiểm soát giao dịch. Địa phương, doanh nghiệp nên ứng dụng công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường.

Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia: Phát triển một hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải và giảm phát thải, để hỗ trợ việc theo dõi, báo cáo và xác minh các hoạt động liên quan đến tín chỉ các-bon.

Thúc đẩy công tác nâng cao nhận thức: Tổ chức các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức về lợi ích của thị trường tín chỉ cac-bon không chỉ cho các doanh nghiệp mà còn cho toàn bộ cộng đồng.

Khuyến khích đầu tư từ khu vực tư nhân: Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tư nhân tham gia vào thị trường tín chỉ cac-bon thông qua các ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính.

Hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác với các tổ chức và quốc gia khác trong việc phát triển thị trường tín chỉ cac-bon, nhằm học hỏi kinh nghiệm và tăng cường năng lực quản lý.

Phát triển các dự án giảm phát thải: Khuyến khích và hỗ trợ phát triển các dự án giảm phát thải trong nhiều lĩnh vực như năng lượng tái tạo, rừng và đất, quản lý chất thải, nông nghiệp bền vững, để tạo ra nguồn cung tín chỉ cac-bon.

Đảm bảo tính minh bạch và công bằng: Đảm bảo tính minh bạch trong quá trình phát hành và giao dịch tín chỉ cac-bon thông qua việc áp dụng các công nghệ hiện đại như blockchain.

Mở rộng thị trường tín chỉ cac-bon: Không chỉ giới hạn ở các dự án trong nước, mà còn mở rộng quy mô thị trường tín chỉ cac-bon đến các dự án quốc tế, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào thị trường toàn cầu.

4. Kết luận

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng trở nên bức thiết, việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính không chỉ là nghĩa vụ mà còn là trách nhiệm to lớn của mọi quốc gia. Thị trường tín chỉ cac-bon, với sự phát triển và mở rộng quy mô toàn cầu, đã trở thành công cụ tài chính quan trọng, góp phần hiệu quả vào các nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc đối phó với biến đổi khí hậu. Các quốc gia đã tiên phong trong việc áp dụng hệ thống giao dịch cac-bon như Liên minh châu Âu, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã cho thấy, thông qua những bài học rút ra được, việc thiết lập một khung chính sách rõ ràng và minh bạch là yếu tố then chốt để quản lý và vận hành thành công thị trường tín chỉ cac-bon. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang phát triển với cam kết mạnh mẽ đối với các mục tiêu giảm phát thải quốc gia, việc xây dựng và phát triển một khung chính sách hiệu quả cho thị trường tín chỉ cac-bon không chỉ thúc đẩy việc giảm phát thải mà còn mở ra cơ hội phát triển kinh tế, đồng thời góp phần vào sự nghiệp bảo vệ môi trường toàn cầu. Việc này yêu cầu sự chung tay, phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế, cùng với việc áp dụng các công nghệ tiên tiến và phương pháp quản lý khoa học ■

Lời cảm ơn:

Nghiên cứu được tài trợ trong khuôn khổ đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ với chủ đề “Lượng giá tín chỉ carbon cho các mô hình sản xuất lúa thân thiện với môi trường tại Đồng bằng sông Cửu Long”, Mã số: B2024-TCT-15.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2022). Nghị định số 06/2022/NĐ-CP về việc Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Cục Biến đổi khí hậu. (2023). Các quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường cacbon. Bộ Tài nguyên và Môi trường: Báo cáo tham luận Hội thảo tại Cần Thơ, ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2014). Luật Bảo vệ môi trường (Luật số 72/2020/QH14).

IPCC. (2014). Mitigation of climate change. Contribution of working group III to the fifth assessment report of the intergovernmental panel on climate change. 1454, 147.

Johannsdottir, L. and McInerney C. (2016). Calls for Carbon Markets at COP21: A Conference Report. Journal of Cleaner Production. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2016.02.094>.

- Richl, B., Wang G., Eshpeter S., Zhang H., Innes J. L., Li N., & Niles, J. O. (2016). Lessons learned in mandatory carbon market development. *Int Rev Environ Resour Econ*, 10, 227-68. <http://dx.doi.org/10.1561/101.000000087>.
- Kosoy, A., Peszko G., Oppermann K., Prytz N., Klein N., Blok K., and Borkent B. (2015). *State and Trends of Carbon Pricing*. The World Bank.
- World Bank, (2024). *State and Trends of Carbon Pricing 2024*. Washington.
- UNEP. (2014). *The Emissions Gap Report 2014*. United Nations Environment Programme (UNEP), Nairobi.
- UNFCCC. (2015). *INDCs as Communicated by Parties*. Available at <http://www4.unfccc.int/Submissions/INDC/Submission%20Pages/submissions.aspx>.
- United Nations. (1998). *Kyoto Protocol to the United National Framework Convention on Climate Change*. Available at <http://unfccc.int/resource/docs/convkp/kpeng.pdf#page=12>.
- World Bank, Ecofys & Vivid Economics. (2016). *State and Trends of Carbon Pricing 2016*. Washington, DC: World Bank.

Ngày nhận bài: 17/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 31/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/2/2025

CARBON CREDIT MARKET: INTERNATIONAL EXPERIENCE AND VIETNAM'S POLICY FRAMEWORK

● VO HONG TU¹

● NGUYEN THUY TRANG¹

¹Faculty of Rural Development, Can Tho University

ABSTRACT:

This study evaluates international experiences in carbon credit market management, with a particular focus on models from the European Union, the United States, and other leading countries. It combines a comprehensive review of global practices with an in-depth analysis of Vietnam's current policies and market conditions to propose strategies for the effective development of its carbon credit market. Key recommendations include enhancing the legal and regulatory framework, establishing a centralized national database, raising public and business awareness, investing in advanced monitoring technologies, and strengthening international cooperation. These measures are expected to support Vietnam in fulfilling its greenhouse gas emission reduction commitments while promoting sustainable economic development and environmental protection.

Keywords: sustainability, greenhouse gas emissions reduction, greenhouse gas inventory, carbon credit market, policy framework, international experience, Vietnam.